

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN CÁT LỢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 469 /CPCL-TCKT  
V/v Công bố thông tin.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI.
- Mã chứng khoán: CLC
- Địa chỉ trụ sở chính: 934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
- Điện thoại: (028) 37421118.
- Fax: (028) 37420923.
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hoàng Minh.  
Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được soát xét (đính kèm).

**Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế. Không có**

Lý do: Không có

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày

09 /08/2023 tại đường dẫn: <http://www.catloi.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

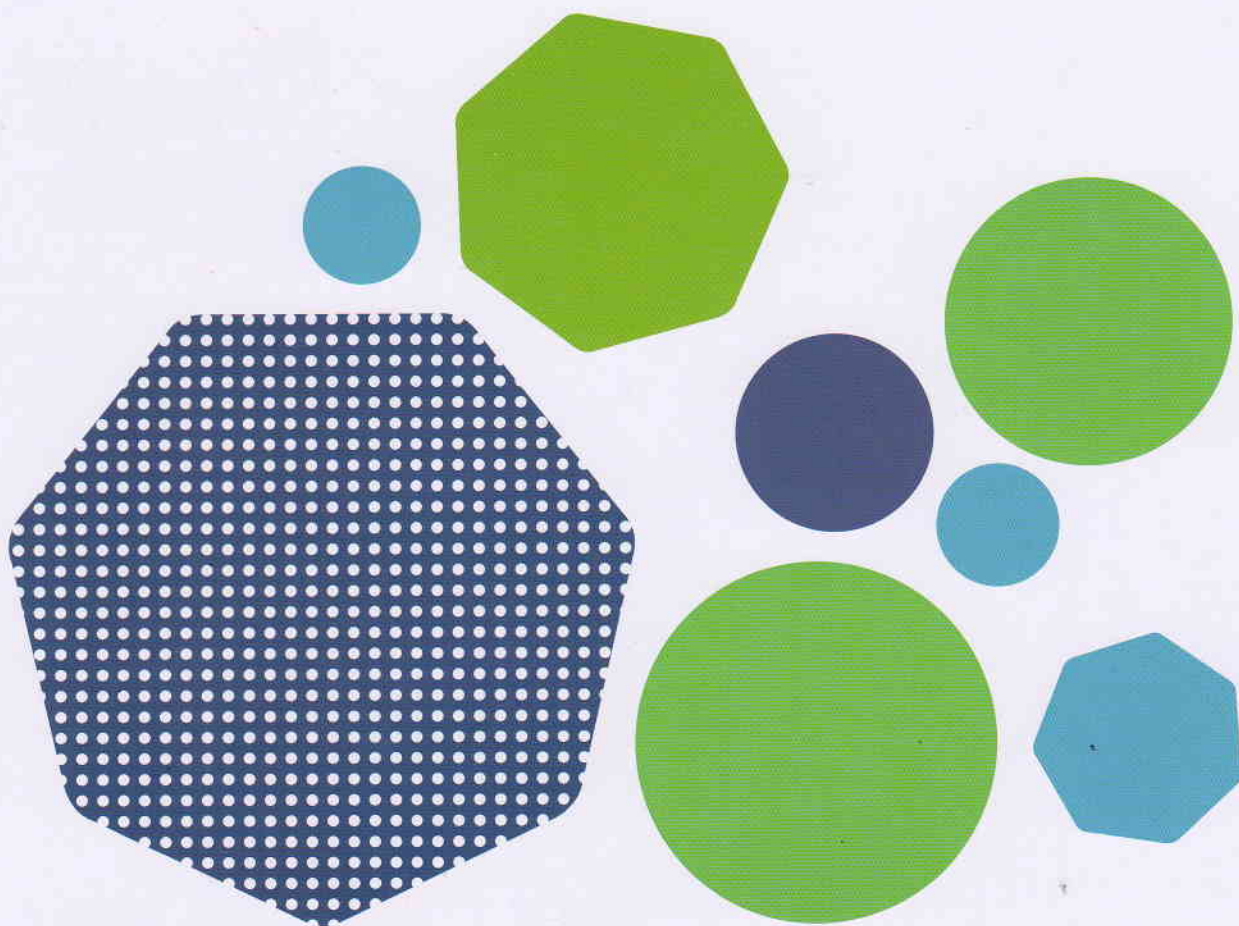
**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Minh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 37

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

#### **KHÁI QUÁT CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các Cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Châu Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên

##### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Ánh	Trưởng Ban kiểm soát	Bỏ nhiệm lại từ ngày 25/05/2023
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên	

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

##### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc	
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2023

##### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Minh - Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Liêu Phước Tính.

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo.

##### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

#### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thầy mại và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Minh  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Số. 067/2023/UHYHCM-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 08 tháng 08 năm 2023, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 10/03/2023. Ngoài ra, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty cũng được Công ty kiểm toán này soát xét và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 08/08/2022.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1496-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.518.877.895.546</b>	<b>1.340.988.754.015</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>17.285.851.813</b>	<b>24.018.704.684</b>
Tiền	111		17.285.851.813	24.018.704.684
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>350.510.800.380</b>	<b>259.371.060.565</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	313.563.190.732	257.307.643.774
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		36.113.790.936	1.284.200.850
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	833.818.712	779.215.941
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.136.640.149.487</b>	<b>1.026.571.466.827</b>
Hàng tồn kho	141		1.136.640.149.487	1.026.571.466.827
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.441.093.866</b>	<b>31.027.521.939</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	7.907.486.004	11.986.125.255
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.533.607.862	19.041.396.684
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>35.095.252.755</b>	<b>44.124.259.324</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.510.230.000</b>	<b>1.510.230.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.510.230.000	1.510.230.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.640.951.649</b>	<b>37.665.053.405</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	26.789.341.115	33.502.272.845
- Nguyên giá	222		745.052.820.995	742.586.216.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(718.263.479.880)	(709.083.943.932)
Tài sản cố định vô hình	227	10	3.851.610.534	4.162.780.560
- Nguyên giá	228		18.817.074.299	18.817.074.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.965.463.765)	(14.654.293.739)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>613.737.854</b>	<b>10.785.185</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	613.737.854	10.785.185
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.330.333.252</b>	<b>4.938.190.734</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.330.333.252	4.938.190.734
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.553.973.148.301</b>	<b>1.385.113.013.339</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>759.116.059.708</b>	<b>543.472.403.975</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>758.610.064.626</b>	<b>542.966.408.893</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	273.406.072.057	207.098.187.639
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	15.043.430.346	9.624.527.024
Phải trả người lao động	314		36.926.337.298	37.331.365.536
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	700.809.031	294.633.750
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	45.489.120	67.387.843
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	355.821.025.641	273.980.062.371
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	52.079.066.804	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.587.834.329	14.570.244.730
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>505.995.082</b>	<b>505.995.082</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	505.995.082	505.995.082
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>794.857.088.593</b>	<b>841.640.609.364</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>794.857.088.593</b>	<b>841.640.609.364</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.075.830.000	262.075.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		64.847.400.000	64.847.400.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		323.138.546.696	289.096.966.329
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		144.795.311.897	225.620.413.035
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		85.170.056.516	85.170.056.516
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		59.625.255.381	140.450.356.519
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.553.973.148.301</b>	<b>1.385.113.013.339</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính



Nguyễn Hoàng Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>1.303.869.217.529</b>	<b>1.079.159.972.883</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	19.065.815	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.303.850.151.714</b>	<b>1.079.159.972.883</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	1.152.331.260.257	946.709.028.817
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>151.518.891.457</b>	<b>132.450.944.066</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.212.861.288	2.159.414.250
Chi phí tài chính	22	25	26.575.276.835	13.910.043.854
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.795.900.088</i>	<i>2.620.496.922</i>
Chi phí bán hàng	25	26	16.140.890.761	14.493.855.264
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	40.557.017.108	37.640.366.447
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>74.458.568.041</b>	<b>68.566.092.751</b>
Thu nhập khác	31	27	73.001.185	1.017.209.824
Chi phí khác	32		-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>73.001.185</b>	<b>1.017.209.824</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>74.531.569.226</b>	<b>69.583.302.575</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	14.906.313.845	13.916.660.515
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>59.625.255.381</b>	<b>55.666.642.060</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>2.048</b>	<b>1.900</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>29</b>	<b>2.048</b>	<b>1.900</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Nguyễn Đức Huy

  
Liêu Phước Tính

  
  
Nguyễn Hoàng Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>74.531.569.226</b>	<b>69.583.302.575</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.490.705.974	17.802.299.649
Các khoản dự phòng	03		52.079.066.804	38.092.582.368
Lãi/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		564.725.761	447.749.548
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05		(119.791.637)	(130.229.803)
Chi phí lãi vay	06		10.795.900.088	2.620.496.922
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>147.342.176.216</b>	<b>128.416.201.259</b>
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(43.716.160.993)	(65.760.046.190)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(110.068.682.660)	(167.076.764.824)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		65.133.471.472	88.107.691.790
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		6.686.496.733	5.258.429.607
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.389.724.807)	(2.525.215.053)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.305.288.115)	(14.468.779.275)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24.500.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.689.146.053)	(3.433.918.420)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>41.017.641.793</b>	<b>(31.482.401.106)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(37.985.346.887)	(37.944.746.446)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		119.791.637	130.229.803
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(37.865.555.250)</b>	<b>(37.814.516.643)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		733.296.816.022	363.605.669.668
Tiền trả nợ gốc vay	34		(651.455.852.752)	(272.219.133.964)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(91.726.540.500)	(65.518.957.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.885.577.230)</b>	<b>25.867.578.204</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(6.733.490.687)</b>	<b>(43.429.339.545)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>24.018.704.684</b>	<b>61.971.518.986</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		637.816	976.840
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>17.285.851.813</b>	<b>18.543.156.281</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính



Nguyễn Hoàng Minh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934D2 Đường D, Khu Công Nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 307 người và tại ngày 01/01/2023 là 321 người.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó giá thị trường biến động của các sản phẩm trên sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các nhà sản xuất cùng ngành ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét.

**2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2),  
P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2023  
đến 30/06/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

#### 4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

##### 4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### 4.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2),  
P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023  
đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
- Phương tiện vận tải	3 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình khác được xác định thời gian khấu hao từ 2 đến 20 năm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phần mềm và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí phần mềm, nhà lưu trú tạm thời. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

**4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh chi phí lãi vay trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có các nghĩa vụ về nợ phải trả hiện tại và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**4.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.13 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu. Khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, Công ty sẽ áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Đồng Việt Nam và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

**4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

**4.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.16 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận được phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

**4.17 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất phổ thông (20%) tính trên thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.18 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.18 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.218.104.000	686.209.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.067.747.813	23.332.495.684
<b>Cộng</b>	<b>17.285.851.813</b>	<b>24.018.704.684</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>313.563.190.732</b>	<b>257.307.643.774</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	90.116.180.323	94.056.252.518
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	88.436.684.760	48.516.112.167
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	26.768.721.381	15.002.138.592
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	17.105.523.884	12.379.502.833
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	14.016.141.134	3.318.325.111
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	12.936.282.565	11.188.821.581
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	12.601.001.760	11.075.379.505
- Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hoà - Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt	12.317.571.860	13.454.169.391
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	11.834.687.276	7.043.801.703
- Đối tượng khác	27.430.395.789	41.273.140.373
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 31)</b>	<b>293.248.189.981</b>	<b>233.094.800.643</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>833.818.712</b>	-	<b>779.215.941</b>	-
- Tạm ứng	485.500.000	-	440.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	311.700.000	-	336.700.000	-
- Phải thu khác	36.618.712	-	2.515.941	-
<b>Dài hạn</b>	<b>1.510.230.000</b>	-	<b>1.510.230.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	1.510.230.000	-	1.510.230.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.344.048.712</b>	-	<b>2.289.445.941</b>	-

(\*) Đây là khoản ký cược, ký quỹ gồm đặt cọc thuê kho là 1.500.000.000 đồng và đặt cọc thuê máy photocopy là 10.230.000 đồng.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	50.768.991.020	-	37.370.483.198	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.030.678.671.952	-	903.885.942.180	-
Công cụ, dụng cụ	65.176.250	-	10.517.273	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	257.835.101	-	67.296.050	-
Thành phẩm	54.869.475.164	-	85.237.228.126	-
<b>Cộng</b>	<b>1.136.640.149.487</b>	-	<b>1.026.571.466.827</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2023	32.588.631.570	688.487.848.629	14.950.831.059	6.558.905.519	742.586.216.777
- Mua trong kỳ	-	-	2.296.104.218	170.500.000	2.466.604.218
Tại 30/06/2023	32.588.631.570	688.487.848.629	17.246.935.277	6.729.405.519	745.052.820.995
<b>HAO MÒN LŨY KÊ</b>					
Tại 01/01/2023	(30.496.393.670)	(658.409.830.909)	(13.618.813.834)	(6.558.905.519)	(709.083.943.932)
- Khấu hao trong kỳ	(228.935.574)	(8.328.248.951)	(612.879.201)	(9.472.222)	(9.179.535.948)
Tại 30/06/2023	(30.725.329.244)	(666.738.079.860)	(14.231.693.035)	(6.568.377.741)	(718.263.479.880)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2023	2.092.237.900	30.078.017.720	1.332.017.225	-	33.502.272.845
Tại 30/06/2023	1.863.302.326	21.749.768.769	3.015.242.242	161.027.778	26.789.341.115

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là: 690.822.174.594 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 30/06/2023 là: 29.995.474.738 đồng.

Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 30/06/2023 là: 732.408.832 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2023	15.502.607.589	3.314.466.710	18.817.074.299
Tại 30/06/2023	<u>15.502.607.589</u>	<u>3.314.466.710</u>	<u>18.817.074.299</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2023	(11.592.710.364)	(3.061.583.375)	(14.654.293.739)
- Khấu hao trong kỳ	(175.070.025)	(136.100.001)	(311.170.026)
Tại 30/06/2023	<u>(11.767.780.389)</u>	<u>(3.197.683.376)</u>	<u>(14.965.463.765)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2023	<u>3.909.897.225</u>	<u>252.883.335</u>	<u>4.162.780.560</u>
Tại 30/06/2023	<u>3.734.827.200</u>	<u>116.783.334</u>	<u>3.851.610.534</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là: 2.914.066.710 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 30/06/2023 là: 15.502.607.589 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 30/06/2023 là: 3.734.827.200 đồng.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>		
- Máy in ống đồng 12 màu tích hợp 2 cụm sấy UV, tốc độ 250 mét/phút, mới 100%	613.737.854	10.785.185
<b>Cộng</b>	<u>613.737.854</u>	<u>10.785.185</u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<u>7.907.486.004</u>	<u>11.986.125.255</u>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.894.805.450	10.088.063.836
- Chi phí khác	1.012.680.554	1.898.061.419
<b>Dài hạn</b>	<u>2.330.333.252</u>	<u>4.938.190.734</u>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.991.603.274	4.323.395.848
- Chi phí khác	338.729.978	614.794.886

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>273.406.072.057</b>	<b>273.406.072.057</b>	<b>207.098.187.639</b>	<b>207.098.187.639</b>
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá	84.270.160.949	84.270.160.949	70.376.182.079	70.376.182.079
- Nomura Trading Co	75.675.266.250	75.675.266.250	18.312.094.067	18.312.094.067
- British American Tobacco	27.688.481.501	27.688.481.501	10.951.320.013	10.951.320.013
- Dr.Franz Feurstein Gmbh	19.279.957.163	19.279.957.163	43.674.957.979	43.674.957.979
- Công ty TNHH Bao Bì giấy nhôm New Toyo	18.007.211.216	18.007.211.216	24.366.458.831	24.366.458.831
- Các khoản phải trả người bán khác	48.484.994.978	48.484.994.978	39.417.174.670	39.417.174.670
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 31)</b>	<b>91.867.681.944</b>	<b>91.867.681.944</b>	<b>77.296.771.658</b>	<b>77.296.771.658</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>9.624.527.024</b>	<b>80.124.857.650</b>	<b>74.705.954.328</b>	<b>15.043.430.346</b>
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	48.154.191.274	48.154.191.274	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.049.559.659	11.049.559.659	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.305.288.115	14.906.313.845	9.305.288.115	14.906.313.845
- Thuế thu nhập cá nhân	319.238.909	5.233.226.521	5.415.348.929	137.116.501
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	24.366.218	24.366.218	-
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế nhà thầu nước ngoài	-	754.200.133	754.200.133	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Trích trước chi phí lãi vay	700.809.031	294.633.750
<b>Cộng</b>	<b>700.809.031</b>	<b>294.633.750</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>45.489.120</b>	<b>67.387.843</b>
- Kinh phí công đoàn	45.489.120	46.324.460
- Tạm thu tiền thuế TNCN	-	19.063.383
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	2.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>505.995.082</b>	<b>505.995.082</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	505.995.082	505.995.082
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>551.484.202</b>	<b>573.382.925</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2023		Trong kỳ		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>355.821.025.641</b>	<b>355.821.025.641</b>	<b>733.296.816.022</b>	<b>651.455.852.752</b>	<b>273.980.062.371</b>	<b>273.980.062.371</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (1)	222.074.472.897	222.074.472.897	574.311.890.711	611.098.186.978	258.860.769.164	258.860.769.164
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN TP. Hồ Chí Minh (2)	50.089.673.943	50.089.673.943	50.089.673.943	15.119.293.207	15.119.293.207	15.119.293.207
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (3)	83.656.878.801	83.656.878.801	108.895.251.368	25.238.372.567	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>355.821.025.641</b>	<b>355.821.025.641</b>	<b>733.296.816.022</b>	<b>651.455.852.752</b>	<b>273.980.062.371</b>	<b>273.980.062.371</b>

- (1) Khoản vay từ Hợp đồng cấp tín dụng số 0005/2328/N-CTD ngày 19/01/2023 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 600 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn khoản vay tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống nhà văn phòng, nhà xưởng và các công trình gắn liền với đất tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (2) Khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số BC\_HĐTĐ/CATLOI\_02/20130925 ngày 14/10/2013, được gia hạn bởi phụ lục gia hạn – sửa đổi bổ sung số BC\_HĐTĐ/CATLOI\_01/20130925\_PL2022 ngày 14/10/2022 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 63 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng cho đến ngày 14/10/2023. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- (3) Khoản vay từ Thư tín dụng số STVN92-19 ngày 29/05/2019 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 5.000.000 Đô la Mỹ hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản tín dụng sẽ được tự động gia hạn sau 12 tháng trừ khi vào thời điểm đó khoản tín dụng bị Ngân hàng hủy bỏ. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp khoản phải thu tại Ngân hàng.

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Dự phòng chi phí bảo trì, bảo dưỡng VND</b>
Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	54.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	<u>(1.920.933.196)</u>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>52.079.066.804</u></b>

Chi phí dự phòng phải trả ngắn hạn là chi phí dự phòng sửa chữa tài sản cố định trong năm 2023 được trích lập theo kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tỷ lệ %	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51,00%	133.660.800.000	133.660.800.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,38%	16.725.400.000	16.725.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,07%	10.676.080.000	10.676.080.000
Cổ đông khác	38,55%	101.013.550.000	101.013.550.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>262.075.830.000</b>

**19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.075.830.000	262.075.830.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	91.726.540.500	65.518.957.500

**19.3 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2023 Cổ phiếu	Tại 01/01/2023 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.207.583	26.207.583
+ Cổ phiếu phổ thông	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.207.583	26.207.583
+ Cổ phiếu phổ thông	26.207.583	26.207.583
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**19.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	323.138.546.696	289.096.966.329
<b>Cộng</b>	<b>323.138.546.696</b>	<b>289.096.966.329</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2022</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>259.463.164.801</b>	<b>194.383.297.992</b>	<b>780.769.692.793</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	140.450.356.519	140.450.356.519
- Phân phối lợi nhuận năm 2021 (*)	-	-	29.633.801.528	(109.213.241.476)	(79.579.439.948)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	29.633.801.528	(29.633.801.528)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(13.542.082.448)	(13.542.082.448)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(518.400.000)	(518.400.000)
+ Chia cổ tức còn lại năm 2021 (25%)	-	-	-	(65.518.957.500)	(65.518.957.500)
<b>Tại 31/12/2022</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>289.096.966.329</b>	<b>225.620.413.035</b>	<b>841.640.609.364</b>
<b>Tại 01/01/2023</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>289.096.966.329</b>	<b>225.620.413.035</b>	<b>841.640.609.364</b>
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	59.625.255.381	59.625.255.381
- Phân phối lợi nhuận năm 2022 (**)	-	-	34.041.580.367	(140.450.356.519)	(106.408.776.152)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	34.041.580.367	(34.041.580.367)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.045.035.652)	(14.045.035.652)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(637.200.000)	(637.200.000)
+ Chia cổ tức năm 2022 (35%)	-	-	-	(91.726.540.500)	(91.726.540.500)
<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>262.075.830.000</b>	<b>64.847.400.000</b>	<b>323.138.546.696</b>	<b>144.795.311.897</b>	<b>794.857.088.593</b>

(\*) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 272/NQ-CPCL ngày 26 tháng 05 năm 2022.

(\*\*) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 299/NQ-CPCL ngày 25 tháng 05 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
a) Tài sản thuê ngoài (VND)	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	4.001.905.577	1.817.572.651
c) Ngoại tệ các loại:		
- USD	5.289,84	34.494,08
- EUR	1.185,82	10.586,02
- GBP	103,25	106,55
- JPY	22.715,00	23.441,00

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.303.869.217.529</b>	<b>1.079.159.972.883</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.292.551.161.213	1.070.029.659.832
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	1.424.446.250	1.356.606.770
Doanh thu gia công, chế biến	382.725.504	351.887.820
Doanh thu phế liệu thu hồi	8.862.768.136	6.816.690.352
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	648.116.426	605.128.109
<b>Cộng</b>	<b>1.303.869.217.529</b>	<b>1.079.159.972.883</b>
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 31)</b>	<b>1.171.449.819.067</b>	<b>954.555.670.182</b>

**22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Hàng bán bị trả lại	19.065.815	-
<b>Cộng</b>	<b>19.065.815</b>	<b>-</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn của thành phẩm	1.141.588.647.195	937.944.247.102
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	1.187.533.400	1.271.943.791
Giá vốn gia công chế biến	274.192.865	301.017.228
Giá vốn phế liệu thu hồi	8.862.768.136	6.816.690.352
Giá vốn của dịch vụ khác	418.118.661	375.130.344
<b>Cộng</b>	<b>1.152.331.260.257</b>	<b>946.709.028.817</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	123.791.637	130.229.803
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.089.069.651	2.029.184.447
<b>Cộng</b>	<b>6.212.861.288</b>	<b>2.159.414.250</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	10.795.900.088	2.620.496.922
Chiết khấu thanh toán	12.015.229.324	9.758.415.385
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.199.421.662	1.083.381.999
Lỗ do đánh giá lại số dư cuối kỳ	564.725.761	447.749.548
<b>Cộng</b>	<b>26.575.276.835</b>	<b>13.910.043.854</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	<b>16.140.890.761</b>	<b>14.493.855.264</b>
Quảng cáo, thị trường	391.492.226	341.352.278
Cước vận chuyển, bốc xếp	15.575.524.786	13.999.731.440
Chi phí vật liệu bao bì	28.910.755	27.558.650
Chi phí khác bằng tiền	144.962.994	125.212.896
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>40.557.017.108</b>	<b>37.640.366.447</b>
Chi phí nhân viên quản lý	22.042.603.705	21.778.075.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	794.723.307	434.152.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.286.826.011	3.397.857.805
Chi phí khác bằng tiền	13.432.864.085	12.030.280.685

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Thu nhập khác	73.001.185	71.545.824
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	-	945.664.000
<b>Cộng</b>	<b>73.001.185</b>	<b>1.017.209.824</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>74.531.569.226</b>	<b>69.583.302.575</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>74.531.569.226</b>	<b>69.583.302.575</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>14.906.313.845</b>	<b>13.916.660.515</b>

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số tạm tính và sẽ thực hiện điều chỉnh thu nhập chịu thuế khi thực hiện quyết toán thuế cuối năm.

**29. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.625.255.381	55.666.642.060
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	59.625.255.381	55.666.642.060
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(5.962.525.538)	(5.885.264.206)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	26.207.583	26.207.583
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>2.048</b>	<b>1.900</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)</b>	<b>2.048</b>	<b>1.900</b>

(\*) Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 299/NQ-CPCL ngày 25/05/2023.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được xác định theo kế hoạch trích lập các quỹ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 299/NQ-CPCL ngày 25/05/2023.

(\*\*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 30/06/2023 nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	996.594.993.376	836.860.351.482
Chi phí nhân công	52.342.258.010	52.666.649.564
Khấu hao tài sản cố định	9.490.705.974	17.802.299.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.267.244.151	27.355.372.190
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn	54.000.000.000	39.500.000.000
Chi phí bằng tiền khác	22.916.559.749	19.661.406.315
<b>Cộng</b>	<b>1.165.611.761.260</b>	<b>993.846.079.200</b>

**31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

Trong kỳ, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Doanh thu (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ</b>	<b>1.171.449.819.067</b>	<b>954.555.670.182</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	550.235.597.404	494.937.612.590
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	297.876.338.609	223.121.437.124
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	53.607.906.456	25.664.435.507
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	44.060.968.961	15.987.933.290
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	37.414.361.118	11.007.213.283
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	33.057.756.497	23.426.448.085
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	32.138.722.045	36.010.980.455
- Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	32.004.631.886	21.042.808.114
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	28.901.664.748	40.134.733.165
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	25.548.097.696	22.817.627.979
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	18.533.550.114	12.473.780.456
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Hải Phòng	12.478.948.906	26.147.808.675
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	4.813.540.753	1.040.852.461
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	663.131.754	621.962.820
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	100.800.000	96.000.000
- Chi Nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương Mại Miền Nam	13.802.120	24.036.178

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ</b>	<b>448.146.153.633</b>	<b>261.251.485.489</b>
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	413.367.064.306	218.505.190.467
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	18.617.926.211	27.611.751.170
- Chi Nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương Mại Miền Nam	15.325.858.016	13.752.007.820
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	321.889.250	303.863.452
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	249.666.770	247.723.620
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	230.754.080	214.503.960
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	28.900.000	8.425.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	4.095.000	-
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	-	608.020.000
<b>Thu nhập khác từ bên liên quan</b>	<b>77.001.185</b>	<b>71.545.824</b>
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	77.001.185	71.545.824
	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
<b>Cổ tức trả trong kỳ</b>		
- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	46.781.280.000	33.415.200.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	5.853.890.000	4.181.350.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	3.736.628.000	2.669.020.000
- Cổ đông khác	35.354.742.500	25.253.387.500
<b>Cộng</b>	<b>91.726.540.500</b>	<b>65.518.957.500</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>293.248.189.981</b>	<b>233.094.800.643</b>
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	90.116.180.323	94.056.252.518
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	88.436.684.760	48.516.112.167
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	26.768.721.381	15.002.138.592
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	17.105.523.884	12.379.502.833
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	14.016.141.134	3.318.325.111
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	12.936.282.565	11.188.821.581
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	12.601.001.760	11.075.379.505
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	11.834.687.276	7.043.801.703
- Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	6.608.744.681	5.149.709.320
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	5.887.635.457	17.135.406.472
- Công ty TNHH Liên Doanh Vina - Bat	5.130.806.508	4.586.125.485
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	1.240.377.452	2.921.341.383
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	389.850.011	594.283.392
- Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	175.552.789	127.600.581
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>91.867.681.944</b>	<b>77.296.771.658</b>
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá	84.270.160.949	70.376.182.079
- Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	4.047.188.992	3.519.841.403
- Chi Nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương Mại Miền Nam	3.019.716.133	2.999.871.229
- Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	530.615.870	400.876.947
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty</b>		
	<b>Từ 01/01/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022</b>
	<b>đến 30/06/2023</b>	<b>đến 30/06/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc	3.370.333.899	2.196.014.343
- Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	1.274.545.532	956.119.503
<b>Cộng</b>	<b>4.644.879.431</b>	<b>3.152.133.846</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn tút, giấy sếp, lưới gà và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhãn tút VND	Giấy sếp, Lưới gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
<b>Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>					
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	809.179.699.061	322.923.931.157	160.428.465.180	11.318.056.316	1.303.850.151.714
Khấu hao và chi phí phân bổ	765.410.716.663	317.480.542.241	135.708.813.206	10.718.510.378	1.229.318.582.488
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>43.768.982.398</b>	<b>5.443.388.916</b>	<b>24.719.651.974</b>	<b>599.545.938</b>	<b>74.531.569.226</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	170.500.000	-	-	2.296.104.218	2.466.604.218
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ					1.553.973.148.301
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.553.973.148.301</b>
Nợ phải trả bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ					759.116.059.708
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>759.116.059.708</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhân tút VND	Giấy sếp, Lưỡi gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
<b>Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>					
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	588.631.344.029	342.018.724.773	139.379.591.030	9.130.313.051	1.079.159.972.883
Khấu hao và chi phí phân bổ	549.460.235.754	337.164.661.263	115.187.343.115	7.764.430.176	1.009.576.670.308
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>39.171.108.275</b>	<b>4.854.063.510</b>	<b>24.192.247.915</b>	<b>1.365.882.875</b>	<b>69.583.302.575</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	37.070.766.629	-	-	1.128.733.599	38.199.500.228
Tài sản bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ					1.254.462.869.779
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.254.462.869.779</b>
Nợ phải trả bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ					504.384.719.148
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>504.384.719.148</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**33.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**33.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như không bị buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**34. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là các số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023*

**Người lập biểu**

  
**Nguyễn Đức Huy**

**Kế toán trưởng**

  
**Liêu Phước Tính**

**Giám đốc**



  
**Nguyễn Hoàng Minh**



